TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG C** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 122/2021/QĐST-HNGĐ	*Sông C, ngày 18tháng 11năm 2021*

.

QUYẾT ĐỊNH
C NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 28tháng10năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phí Vinh C, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm Tân Thành 1, xã T, Tp Sông C, Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Bùi Thị Lan A, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm Tân Thành 1, xã T, Tp Sông C, Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51,54, 55, 57, 58; Điều 81, 82, 83Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày10tháng 11năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày10 tháng 11năm 2021là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.C nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phí Vinh C và chị Bùi Thị Lan Anh.

2.C nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phí Vinh C và chị Bùi Thị Lan A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phí Lê Thảo M, sinh ngày 28/08/2020. Khi ly hôn anh C và chị Anh thỏa thuận: Chị Bùi Thị Lan A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phí Lê Thảo M cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung Phí Lê Thảo My, sinh ngày 28/8/2020 cùng chị A là 1.000.000đồng/tháng (Một triệu đồng/tháng), kể từ tháng 11/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Anh Phí Vinh C tự nguyện nộp 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước. Và 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*theo biên lai thu số 0001491 ngày 28/10/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông C, tỉnh Thái Nguyên.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
-VKSND TPSCTN;
-THADS TPSCTN;
-Các đương sự;
-UBND xã Tân Quang, TPSCTN;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Lan Anh